TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 88/2018/DS-PT
Ngày: 17/7/2018
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiệp Hòa

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lan

Ông Lương Thanh Chín

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Xuân Vi – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: Bà Ngô Thị Thu Thủy – kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2018/TLPT-DS ngày 07 tháng 03 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 19/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh bị kháng cáo.

Theo Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm số 33/2018/QĐ-PT ngày 07/5/2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 115/2018/QĐ-PT ngày 18/5/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2018/QĐ-PT ngày 01/6/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2018/QĐ-PT ngày 14/6/2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 133/2018/QĐ-PT ngày 27/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Thu S**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 148 T, kp5, thị trấn V, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông **Vũ Duy M**, sinh năm 1970

Bà **Nguyễn Thị Kim A**, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Số 208 T, kp3, t trấn V, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phạm Tấn B**, sinh năm 1977

Người đại diện theo ủy quyền của ông B: Bà **Phan Thị Thu S**, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Số 148 T, kp5, t trấn V, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Vũ Duy M.

Tại phiên tòa: Vắng mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Phan Thị Thu S đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Tấn B trình bày:

Trước đây bà Nguyễn Thị Kim A có tham gia chơi hụi do Bà làm chủ. Bà A hốt hụi xong nhưng không đóng hụi chết cho Bà. Sau khi dây hụi kết thúc bà A còn nợ Bà số tiền 74.700.000 đồng. Ngày 16/8/2016, hai bên thống nhất chuyển tiền nợ hụi sang tiền vay. Do đó, bà A viết giấy vay Bà số tiền 74.700.000 đồng và cam kết mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, nhưng bà A chỉ trả được 7.000.000 đồng rồi ngưng không trả nữa. Nay Bà yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim A và ông Vũ Duy M phải trả số tiền vay còn lại là 67.700.000 đồng cho Bà, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim A trình bày:

Năm 2016, Bà có tham gia chơi 01 chân hụi gồm 20 phần; mỗi tháng đóng 5.000.000 đồng. Sau khi đóng được 04 tháng tiền hụi, thì Bà hốt hụi và còn nợ hụi chết là 74.700.000 đồng. Do không có tiền nên Bà không đóng tiền hụi chết cho bà S. Đến ngày 16/8/2016, Bà viết giấy mượn bà S số tiền 74.700.000 đồng, thỏa thuận mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, thực chất là nợ hụi chuyển sang nợ vay. Sau đó Bà có trả được 7.000.000 đồng còn nợ 67.700.000 đồng. Nay Bà đồng ý trả số nợ này cho bà S, nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng. Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn. Việc chơi hụi là để có vốn mua bán chăm lo cho gia đình, chồng bà A là ông Vũ Duy M cũng đồng ý cùng trả số nợ này.

Sau khi hòa giải không thành,

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã đưa vụ án ra xét xử tại bản án số 01/2018/DS-ST, quyết định:

Áp dụng: Điều 357, khoản 2 Điều 468, điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Kim A và ông Vũ Duy M phải trả cho bà Phan Thị Thu S và ông Phạm Tấn B số tiền: 67.700.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu bảy trăm ngàn).

Kể từ ngày bà S và ông B có đơn yêu cầu thi hành án, bà A và ông M phải chịu lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng thời gian và số tiền chậm thanh toán.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Kim A và ông Vũ Duy M.

Trả lại cho bà Phan Thị Thu S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.070.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017906 ngày 5/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/01/2018, bị đơn ông Vũ Duy M kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 19/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tuyên ông không có nghĩa vụ cùng với bà A trả khoản nợ 67.700.000 đồng cho bà S và ông B.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Tất cả các đương sự vắng mặt.

Quan điểm của Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kháng cáo của ông Vũ Duy M không có căn cứ để chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, xét yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Duy M, đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự:

Tòa án cấp phúc thẩm đã mở phiên tòa và mở lại phiên tòa vào các ngày 01/6, 14/6 và 17/7/2018, đã tống đạt thủ tục mở và mở lại phiên tòa cho các đương sự. Ngày 29/5, 01/6 và 12/6, ông M, bà S và ông B (do bà S đại diện) có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bà A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần (ngày 21/5 và ngày 29/6/2018) nhưng không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà S và bà A là 02 người trực tiếp giao dịch đã có lời khai thống nhất bà A còn nợ bà S 67.700.000 đồng tiền huê, và 02 bên thỏa thuận chuyển nợ huê này sang nợ vay và lập "*giấy mượn tiền*" ghi ngày 16/8/2016, đủ căn cứ để xác định bà A còn nợ bà S 67.700.000 đồng tiền vay.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà A khai việc bà chơi huê, hốt huê, để có tiền chăm lo cho cuộc sống gia đình. Ông M chồng bà A mặc dù đã được Tòa án cấp sơ thẩm tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản đối về việc bị bà S khởi kiện đòi nợ. Tại thời điểm bà A nợ huê, xác lập quan hệ vay tiền và hiện nay, ông M và bà S là vợ chồng. Khoản 2 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này*". Khoản 2 Điều 37 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: "*Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*". Với căn cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà A và ông M phải trả cho bà S ông B số tiền còn nợ là đúng pháp luật. Kháng cáo của ông M do đó không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí: Theo quy định pháp luật, bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, Ông M thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo xác nhận tại Giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo số 64/GCN-HN.HCN ngày 01/01/2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh nên được miễn nộp án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Duy M, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 19/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

1/Áp dụng:

- Điều 357, khoản 2 Điều 468, điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử:

2.1. Buộc bà Nguyễn Thị Kim A và ông Vũ Duy M phải trả cho bà Phan Thị Thu S và ông Phạm Tấn B số tiền: 67.700.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu bảy trăm ngàn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành thì phải chịu thêm khoản tiền lãi chậm trả được xác định bằng 10%/năm nếu không có thỏa thuận mức lãi suất, nếu có thỏa thuận mức lãi suất thì không quá 20%/năm tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án.

2.2. Về án phí:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Kim A và ông Vũ Duy M.

- Trả lại cho bà Phan Thị Thu S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.070.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017906 ngày 5/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

- Ông Vũ Duy M được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông M số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018210 ngày 02/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (17/7/2018).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- Đương sự;
- Lưu TDS;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hiệp Hòa